TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 68/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06/05/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán **: Ông Ngô Tiến Phong; Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Khánh Nam** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: **Bà Đặng Thị Sơn Cầm** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 41/2024/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1038/2023/HNGĐ-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2024/ HNGĐ-PT ngày 09/04/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44 ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1980; Địa chỉ: F ngách B ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Vũ Thị L, (Giấy ủy quyền số 4343.2022 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/6/2022 Văn Phòng C). (Có mặt)

Bị đơn: Chị Lê Thị Minh N, sinh năm 1978; Địa chỉ: F ngách B ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ Ngọc Đ, anh Lê Anh T, anh Phạm Tiến Đ1. (Anh Đ có mặt, anh T, anh Đ1 có đơn xin vắng mặt)

(Giấy ủy quyền số 000614/2022/GUQ quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/9/2022 Văn Phòng C1).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng H trình bày: Anh H và chị Lê Thị Minh N đăng ký kết hôn ngày 23/01/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải từ năm 2008. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hai bên gia đình, người thân và bạn bè đã động viên hòa giải, nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống, công tác và nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh H và chị N có ba con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/12/2006, Nguyễn Phương M, sinh ngày 08/08/2008 và Nguyễn Phương T1, sinh ngày 12/07/2011. Ly hôn, anh H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không được nuôi con theo nguyện vọng thì anh vẫn có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện tại anh H làm giáo viên, có thu nhập tại trường nơi anh giảng dạy khoảng 12.000.000 VNĐ/tháng (mười hai triệu đồng/tháng), thu nhập từ trung tâm dạy thêm khoảng 17.000.000 VNĐ/tháng (Mười bảy triệu đồng/tháng) đến 20.000.000 VNĐ/tháng (Hai mươi triệu đồng/tháng). Anh H có nơi ở ổn định và có thời gian để đảm bảo chăm sóc và nuôi dưỡng các con phát triển tốt.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

- Về bất động sản: Anh H xác nhận vợ chồng có tài sản chung là quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ phòng E - nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Căn hộ có giá trị 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Về động sản:

+ Có các đồ dùng sinh hoạt do vợ chồng mua sắm để sử dụng trong Căn hộ tại địa chỉ phòng E - nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Theo biên bản định giá có tổng trị giá là 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Tài sản tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, gồm: Các đồ dùng sinh hoạt do vợ chồng anh chị mua để phục vụ sinh hoạt chung. Các vật dụng này đã cũ, anh chị thống nhất cho ông bà (Ông G và bà K), không yêu cầu xem xét để chia. Anh chị có yêu cầu chia đối với vật dụng sinh hoạt khác, đã được Tòa án thống kê và định giá có tổng trị giá là

172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài các tài sản trên thì anh H và chị N không còn tài sản nào khác.

Về vay nợ: Anh H xác định vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị Minh N trình bày:

Về tình cảm: Chị N xác nhận về thời gian, nơi đăng ký kết hôn đúng như anh H trình bày là đúng. Quá trình chung sống từ trước đến giờ chị cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, sống hạnh phúc. Vợ chồng và các con cùng chung sống tại số F ngách B ngõ A Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay anh H khởi kiện ly hôn với lý do chị hoang tưởng, bạo lực gia đình, thường xuyên đi cúng lễ là không đúng. Bản thân chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chu đáo. Chị không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc và nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị N xác nhận anh chị có ba con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/12/2006, Nguyễn Phương M, sinh ngày 8/8/2008 và Nguyễn Phương T1, sinh ngày 12/7/2011. Trường hợp, anh H vẫn cương quyết ly hôn thì chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (bất động sản và động sản):

- Về bất động sản: Anh chị có quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ phòng E - nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Theo biên bản định giá tài sản có giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Về động sản:

+ Có các đồ dùng sinh hoạt do vợ chồng mua sắm để sử dụng trong Căn hộ tại địa chỉ phòng E - nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Theo biên bản định giá có tổng trị giá là 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Các đồ dùng sinh hoạt tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội do vợ chồng chị mua sắm để sử dụng đã được Tòa án thống kê và định giá, có tổng trị giá là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), hiện do vợ chồng chị đang ở và quản lý.

Ngoài các tài sản chung như trên, vợ chồng chị còn có các tài sản khác và chị tự định giá, cụ thể:

- Nhà đất tại số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội, có trị giá khoảng 5.200.000.000 VNĐ (Năm tỷ hai trăm triệu đồng).

- Căn hộ 1117 R2 chung cư Gold mark, số A Hồ T, quận N, thành phố Hà Nội, giá trị khoảng 2.750.000.000 VNĐ (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

- Số tiền khoảng 15 tỷ đồng gửi tại các Ngân hàng.

Chị N đề nghị Tòa án phân chia các tài sản trên. Tuy nhiên, chị N chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về khối tài sản chung như chị đã trình bày thêm.

Người làm chứng ông Nguyễn Huy G1 và bà Vũ Thị K1 (cha mẹ đẻ của anh H) trình bày:

- Về tình cảm vợ chồng của anh H và chị N: Gia đình, người thân có biết vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, đã hòa giải động viên, nhưng không đạt kết quả. Nay anh chị đã gửi đơn đến Tòa án, nếu vợ chồng đoàn tụ được với nhau thì tốt, không được thì Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- Về nơi ở: Ông bà sẵn sàng tạo điều kiện cho anh H, chị N và các cháu sử dụng nhà đất của ông bà (tại 61 ngách 120/24 ngõ A phố Y, phường T, Đ, Hà Nội) để làm nơi ở và sinh hoạt khi anh H, chị N chung sống cùng với nhau. Nguồn gốc nhà đất trên do ông bà nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Hoài M1 và ông Nguyễn Xuân M2 ngày 10/7/2002; đã chuyển nhượng và sang tên cho ông Nguyễn Huy G1 và bà Vũ Thị K1 vào ngày 25/5/2018 (nay là số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, Đ, Hà Nội).

Đối với một số đồ dùng sinh hoạt có một số thứ là do chủ nhà cũ để lại cho ông, một số đồ dùng do vợ chồng anh H mua sắm để sử dụng. Nay ông tự nguyện cho vợ chồng anh H và các cháu toàn bộ đồ dùng sinh hoạt theo thống kê Tòa án đã định giá, ông bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 23/08/2022 với tổ trưởng tổ 2 phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội thể hiện: Anh H và chị N đang sinh sống tại số nhà F ngách B ngõ A Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Từ năm 2020, chị N theo một tôn giáo nào đó và thường xuyên xao nhãng công việc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Địa phương đã gặp gỡ anh chị để hòa giải nhưng không có kết quả.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1038/HNGĐ-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã Quyết định: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hồng H. Anh Nguyễn Hồng H được ly hôn với chị Lê Thị Minh N; Về con chung: Xác nhận anh H và chị N có ba con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/12/2006; Nguyễn Phương M, sinh ngày 08/8/2008; Nguyễn Phương T1, sinh ngày 12/7/2011. Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang A; Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương M và Nguyễn Phương T1. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

Xác định anh H và chị N có tài sản chung gồm:

* Bất động sản và động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất do UBND quận Đ mã số BA 819743 số vào sổ cấp GCN:CH00199/1909/2010/QĐ-UB ngày 01/7/2010 mang tên ông Nguyễn hồng H1 có vợ là bà Lê Thị Minh N) tại địa chỉ căn hộ E nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội với giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và các các động sản là đồ dùng sinh hoạt tại căn nhà trên là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng) (*có danh sách kèm theo*).

* Động sản tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, Đ, Hà Nội có giá trị (đồ dùng sinh hoạt) là 172.650.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) (*có danh sách kèm theo).*

Cách chia như sau:

- Chia cho chị N được nhận nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất do UBND quận Đ mã số BA 819743 số vào sổ cấp GCN:CH00199/ 1909/2010/QĐ-UB ngày 01/7/2010 mang tên ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị Minh N tại địa chỉ căn hộ E nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, Hà Nội với giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và các đồ dùng sinh hoạt tại căn nhà trên là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là 1.225.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Chị N phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản trả cho anh H bằng tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng).

Chia cho anh H được nhận các động sản (đồ dùng sinh hoạt) tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội có giá trị là 172.650.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Các vấn đề khác: Trả lại đơn đề nghị và các tài liệu liên quan cho chị N và giành quyền khởi kiện cho chị N đối với nội dung phân chia tài sản chung đã ghi trong đơn đề ngày 25/8/2023 bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu và có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/11/2023, bị đơn - chị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại bản án để bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hồng H với lý do Tòa án sơ thẩm xét xử không phù hợp với thực tế khách quan, các con còn nhỏ nên chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn - chị N và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N vắng mặt lần thứ 2

không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Vũ Ngọc Đ đưa ra ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị được về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp không hòa giải được và anh H kiên quyết xin ly hôn thì anh Đ đưa ra phương án để hòa giải về phần con chung và tài sản chung. Cụ thể là anh Đ được sự ủy quyền của chị N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần con chung, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/12/2006 và cháu Nguyễn Phương M, sinh ngày 08/8/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Phương T1 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Giao toàn bộ quyền sở hữu căn hộ và các đồ dùng sinh hoạt trong căn hộ 501 nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, Hà Nội với giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và các đồ dùng sinh hoạt tại căn nhà trên là 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là 1.225.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) cho chị Lê Thị Minh N sở hữu. Ngoài ra anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 4.000.000 VNĐ/tháng (Bốn triệu đồng/tháng) và mua sắm thêm đồ dùng sinh hoạt cho căn hộ trên với tổng giá trị là 200.000.000 VNĐ (Hai trăm triệu đồng). Anh H được giao sở hữu toàn bộ đồ dùng sinh hoạt tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội có giá trị là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh H không đồng ý về việc hòa giải đoàn tụ, về tình cảm anh kiên quyết xin ly hôn với chị N. Về phần con chung và tài sản chung: Anh H đồng ý với phương án hòa giải do anh Vũ Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Minh N đưa ra. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Phương M với mức 4.000.000 VNĐ/tháng (Bốn triệu đồng/tháng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến tại phiên toà: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Giữ nguyên quyết định về phần tình cảm, cho anh Nguyễn Hồng H được ly hôn với chị Lê Thị Minh N. Về phần con chung và tài sản chung: Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định củapháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Vũ Ngọc Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, luật sư, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ về hình thức để xem xét.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2008 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Theo anh H chị N thường xuyên hoang tưởng, nghi ngờ không có căn cứ, bạo hành tinh thần, gây căng thẳng trong gia đình, ảnh hưởng đến tinh thần của anh và các con chung. Vì các con, anh H đã góp ý chị N quan tâm, chăm sóc gia đình, song chị N không thay đổi. Mặc dù vẫn chung sống cùng nhà nhưng anh chị không có sự kết nối, sinh hoạt chung với nhau. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay. Anh khẳng định không còn tình cảm với chị N. Mâu thuẫn kéo dài khiến anh rất mệt mỏi, ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe, công việc của anh.

Chị N tại tòa án cấp sơ thẩm trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc bình thường, hiện vẫn cùng sinh sống tại nhà với nhau. Không có tài liệu gì chứng minh chị bị hoang tưởng cũng như chị bạo hành tinh thần anh H. Chị vẫn còn tình cảm với anh H. Đề nghị hội đồng xét xử bác đơn ly hôn của anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N muốn đoàn tụ nhưng không có phương án khả thi để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Tại tòa án cấp phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử và trình bày ý kiến cũng như nguyện vọng của mình nhưng chị N vắng mặt không có lý do. Chị N không muốn ly hôn theo đơn kháng cáo nhưng không có bất cứ một động thái hay phương án nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng từ thời điểm xét xử sơ thẩm đến nay. Anh H trình bày từ khi xét xử sơ thẩm đến nay chị N còn gửi đơn tố cáo anh khắp nơi với mục đích bôi nhọ hạ thấp uy tín, danh dự của anh. Anh H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và thực tế anh chị đã ly thân từ rất lâu rồi, anh rất mệt mỏi và vợ chồng không còn chút tình cảm nào với nhau nữa.

Xét thấy, anh H và chị N không còn cuộc sống chung, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc, nếu tiếp tục hôn nhân thì ảnh hưởng không tốt đến tinh thần của anh chị và các con chung. Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại cấp phúc thẩm bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa, thì bị coi như từ bỏ quyền kháng cáo về phần tình cảm. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị N về phần tình cảm.Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị N là có căn cứ theo quy định tại điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên được giữ nguyên.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị N xác nhận có ba con chung là Nguyễn Quang A sinh ngày 03/12/2006; Nguyễn Phương M, sinh ngày 08/8/2008; Nguyễn Phương T1, sinh ngày 12/7/2011. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của chị N và anh H đã thỏa thuận được với nhau phương án hòa giải về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể là: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Quang A và cháu Nguyễn Phương M cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Phương T1 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 VNĐ/tháng (Bốn triệu đồng/tháng) kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu Phương M tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tại phiên tòa phúc thẩm anh H và anh Vũ Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền của chị N thống nhất xác định khối tài sản chung của anh H và chị N gồm có: 01 Căn hộ tại địa chỉ phòng E - nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội trị giá là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Các đồ dùng sinh hoạt tại nhà trên có trị giá 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng) và các đồ dùng sinh hoạt tại nhà Yên L1 (Nhà bố mẹ đẻ anh H) có trị giá là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất phân chia tài sản chung của anh chị như sau:

- Chị N được nhận căn hộ tại địa chỉ số nhà E tập thể V, phường T, Đ, Hà Nội; Kèm theo các đồ dùng sinh hoạt có tại căn hộ. Tổng giá trị là 1.225.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) (Trong đó: Căn hộ có giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), các đồ dùng sinh hoạt có giá trị là 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng)). Anh H tự nguyện có trách nhiệm mua thêm một số đồ dùng sinh hoạt cho căn hộ với tổng trị giá 200.000.000 VNĐ (Hai trăm triệu đồng).

- Anh H được nhận các đồ dùng sinh hoạt tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, Đ, Hà Nội có giá trị là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với nội dung phân chia tài sản chung của chị N đã ghi trong đơn đề ngày 25/8/2023, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm dành quyền khởi kiện cho chị N bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu và có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của xã hội và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị N và người đại diện theo ủy quyền của chị N, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần con chung và tài sản chung. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về con chung và tài sản chung như nội dung đã nêu ở trên.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Nguyên đơn – anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự chia tài sản sản chung theo giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được chia là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Bị đơn chị N phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được hưởng là 1.425.000.000 VNĐ (Một tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng). Vê án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị N được chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 300; Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 , Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về phần tình cảm của chị Lê Thị Minh N.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần quyết định bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1038/2023/HNGĐ-ST ngày 09/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội về phần con chung và tài sản chung, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hồng H. Anh Nguyễn Hồng H được ly hôn với chị Lê Thị Minh N.

2. Về con chung: Xác nhận anh H và chị N có ba con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/12/2006; Nguyễn Phương M, sinh ngày 08/8/2008; Nguyễn Phương T1, sinh ngày 12/7/2011;

Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang A và cháu Nguyễn Phương M; Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương T1. Ghi nhận sự tự nguyện anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phương M 4.000.000 VNĐ/tháng (bốn triệu đồng/tháng) kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H, chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

3.1. Xác định anh H và chị N có tài sản chung gồm:

- Bất động sản và động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất do UBND quận Đ mã số BA 819743 số vào sổ cấp GCN:CH00199/ 1909/2010/QĐ-UB ngày 01/7/2010 mang tên ông Nguyễn hồng H1 có vợ là bà Lê Thị Minh N tại địa chỉ căn hộ E nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, Hà Nội với giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và các các động sản là đồ dùng sinh hoạt tại căn nhà trên là 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng) (*có danh sách kèm theo*).

- Động sản là đồ dùng sinh hoạt có giá trị là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, Đ, Hà Nội (*có danh sách kèm theo*).

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự như sau:

- Chia cho chị N được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất do UBND quận Đ mã số BA 819743 số vào sổ cấp GCN:CH00199/1909/2010/QĐ-UB ngày 01/7/2010 mang tên ông Nguyễn Hồng H và bà Lê Thị Minh N tại địa chỉ căn hộ E nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, Hà Nội với giá trị là 1.200.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và các đồ dùng sinh hoạt tại căn nhà trên là 25.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.225.000.000 VNĐ (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng). Anh H tự nguyện có trách nhiệm mua thêm một số đồ dùng sinh hoạt cho căn hộ này với tổng trị giá 200.000.000 VNĐ (Hai trăm triệu đồng).

- Chia cho anh H được nhận các động sản là đồ dùng sinh hoạt tại địa chỉ số F ngách A ngõ A phố Y, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội có giá trị là 172.650.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Các vấn đề khác: Trả lại đơn đề nghị và các tài liệu liên quan cho chị N và giành quyền khởi kiện cho chị N đối với nội dung phân chia tài sản chung đã ghi trong đơn đề ngày 25/8/2023 bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu và có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại căn hộ E nhà E tập thể V, phường T, quận Đ, Hà Nội.

4. Về án phí:

- Anh H phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 8.632.500 (Tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí chia tài sản, được đối trừ với số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007185 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Anh H còn phải nộp 8.932.500 VNĐ (Tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí.

- Chị N phải chịu 54.750.000 VNĐ (Năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 25.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm triệu đồng) chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0070880 ngày 24/10/2022 và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019122 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, chị N còn phải nộp 29.750.000 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Nơi nhận:
- *VKSND Thành phố Hà Nội;*
- *TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;*
- *Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*
- *UBND phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**